

MỤC LỤC

1. Mục lục	
2. Báo cáo tài chính	
3. Bảng cân đối kế toán	4-5
4. Bảng chi phí sản xuất và chi phí bán hàng	6-7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
7. Bảng biến động vốn chủ sở hữu	10
8. Bảng biến động nợ phải trả	11
9. Các chỉ tiêu khác	12-13
10. Các chỉ tiêu khác	13-33

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ VINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 6 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- In ấn. Chi tiết: in bao bì;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì xi măng;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán xi măng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Long	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2017
Ông Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2005

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Xuân Thọ
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		388.049.661.009	316.785.092.510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.677.425.348	8.091.796.485
1. Tiền	111		5.677.425.348	8.091.796.485
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.596.186.091	221.265.809.871
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	230.278.455.542	219.449.240.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.277.855.610	3.184.522.560
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	135.320.039	134.032.077
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.095.445.100)	(1.501.985.388)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		145.852.668.690	85.214.481.900
1. Hàng tồn kho	141	V.6	145.852.668.690	85.214.481.900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.923.380.880	2.213.004.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.176.706.123	1.427.392.573
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.746.674.757	785.611.681
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.308.170.396	103.124.321.499
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.500.277.833	95.678.540.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92.500.277.833	95.678.540.956
<i>Nguyên giá</i>	222		224.798.591.177	215.411.142.672
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(132.298.313.344)	(119.732.601.716)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	66.842.727	124.315.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		66.842.727	124.315.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.741.049.836	7.321.465.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.741.049.836	7.321.465.543
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		486.357.831.405	419.909.414.009

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		374.662.894.619	315.460.053.372
I. Nợ ngắn hạn	310		355.703.433.185	285.450.675.963
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	104.795.275.821	110.304.782.396
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	259.775.835	1.047.683.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.471.534.017	2.910.697.079
4. Phải trả người lao động	314		25.120.427.704	18.981.137.948
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.585.365.588	1.892.512.158
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.123.929.883	778.980.081
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	214.454.365.087	145.983.523.551
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.892.759.250	3.551.359.250
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.959.461.434	30.009.377.409
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	18.059.461.434	29.109.377.409
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		900.000.000	900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111.694.936.786	104.449.360.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	111.694.936.786	104.449.360.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.367.822.092	1.188.416.174
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.877.520.149	26.811.349.918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	26.811.349.918
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.877.520.149	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		486.357.831.405	419.909.414.009

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	935.169.447.077	763.387.201.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.717.683.205	64.827.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		931.451.763.872	763.322.374.110
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	843.582.924.497	682.913.881.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.868.839.375	80.408.492.396
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	470.645.344	339.595.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.617.146.285	13.091.217.540
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.591.100.066	12.779.621.452
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	20.240.000.845	17.756.538.574
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.009.592.880	15.745.578.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.472.744.709	34.154.753.470
11. Thu nhập khác	31	VI.8	282.231.395	400.543.953
12. Chi phí khác	32	VI.9	714.160.771	339.472.566
13. Lợi nhuận khác	40		(431.929.376)	61.071.387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.040.815.333	34.215.824.857
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	7.163.295.184	7.404.474.939
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.877.520.149</u>	<u>26.811.349.918</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.951</u>	<u>4.447</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>2.951</u>	<u>4.447</u>

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		975.246.457.674	765.438.312.864
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(851.705.694.698)	(612.000.127.858)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(110.998.572.824)	(84.785.232.687)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13.553.402.516)	(11.772.430.910)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(8.272.333.168)	(6.899.769.457)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.147.945.691	2.327.491.362
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.357.197.576)	(36.910.913.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.492.797.417)	15.397.329.430
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.820.671.327)	(19.840.349.250)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	85.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.688.712	6.280.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.728.982.615)	(19.834.068.627)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	901.275.181.478	658.821.123.821		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(844.468.564.414)	(639.553.001.528)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(14.999.944.000)	(14.682.379.750)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.806.673.064	4.585.742.543		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.415.106.968)	149.003.346		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.091.796.485	7.942.187.398		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		735.831	605.741		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.677.425.348	8.091.796.485		

Người lập biểu



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Giám đốc



Lê Xuân Thọ



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1090 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1067 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	170.730.187	202.568.768
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.506.695.161	7.889.227.717
Cộng	<u>5.677.425.348</u>	<u>8.091.796.485</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	230.278.455.542	219.449.240.622
Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	52.137.922.161	53.528.449.961
Công ty TNHH Long Sơn	12.056.861.300	22.312.848.250
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	37.679.363.557	20.479.401.063
Các khách hàng khác	128.404.308.524	123.128.541.348
Cộng	<u>230.278.455.542</u>	<u>219.449.240.622</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.277.855.610	3.184.522.560
Polymma (H.K) Co.Ltd		1.007.880.000
Roxcel Handel Sgesellschaft.M.B.H		1.576.101.128
Công ty TNHH Đức Dung	1.683.000.000	
Các nhà cung cấp khác	594.855.610	600.541.432
Cộng	<u>2.277.855.610</u>	<u>3.184.522.560</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	135.320.039		134.032.077	
Tạm ứng	130.238.998		110.882.077	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.081.041		23.150.000	
Cộng	<u>135.320.039</u>		<u>134.032.077</u>	

C.T.
NHỰA
BAO BÌ
VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng	Trên 3 năm	857.135.000		Trên 3 năm	857.135.000	
Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Viễn thông Nghệ An				Trên 3 năm	343.063.950	
Công ty Cổ phần Giải pháp ERP - ITG	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	207.090.000	62.127.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	207.090.000	103.545.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ MOICO				Từ 1 năm đến dưới 2 năm	248.137.000	124.068.500
Công ty Xi măng Phương Hải - Ninh Thuận				Từ 1 năm đến dưới 2 năm	148.345.875	74.172.937
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Lam	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	311.157.000	217.809.900			
Cộng		1.375.382.000	279.936.900		1.803.771.825	301.786.437

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	1.501.985.388
Trích lập dự phòng bổ sung	134.765.100
Hoàn nhập dự phòng	(541.305.388)
Số cuối năm	1.095.445.100

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	62.512.713.236		35.968.234.971	
Công cụ, dụng cụ	3.533.690.572		1.464.245.725	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.814.043.653		32.940.941.917	
Thành phẩm	26.992.221.229		13.964.754.701	
Hàng gửi bán			876.304.586	
Cộng	145.852.668.690		85.214.481.900	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	920.238.161	1.145.851.387
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	198.407.183	69.785.417
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.060.779	211.755.769
Cộng	1.176.706.123	1.427.392.573

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất (*)	2.923.143.662	3.033.105.180
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.169.999.140	2.790.979.364
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	647.907.034	1.497.380.999
Cộng	<u>5.741.049.836</u>	<u>7.321.465.543</u>

(*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	51.714.491.337	148.929.769.529	13.805.975.162	910.616.644	50.290.000	215.411.142.672
Mua trong năm	1.295.017.897	2.002.772.773				3.297.790.670
Đầu tư XD CB hoàn thành	765.018.761	8.707.827.539		124.315.000		9.597.161.300
Tăng khác (nâng cấp TSCĐ)			79.817.000			79.817.000
Thanh lý, nhượng bán		(3.533.483.600)		(53.836.865)		(3.587.320.465)
Số cuối năm	<u>53.774.527.995</u>	<u>156.106.886.241</u>	<u>13.885.792.162</u>	<u>981.094.779</u>	<u>50.290.000</u>	<u>224.798.591.177</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.712.251.084	58.802.870.696	3.306.129.708	339.064.871	50.290.000	73.210.606.359
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	23.646.777.129	88.349.387.187	7.127.951.805	558.195.595	50.290.000	119.732.601.716
Khấu hao trong năm	4.686.471.686	9.658.295.214	1.768.879.557	153.111.687		16.266.758.144
Thanh lý, nhượng bán		(3.533.483.600)		(53.836.865)		(3.587.320.465)
Giảm khác (điều chỉnh theo biên bản KTNN 2017)	(8.791.591)	(104.934.459)				(113.726.050)
Số cuối năm	<u>28.324.457.224</u>	<u>94.369.264.341</u>	<u>8.896.831.362</u>	<u>657.470.417</u>	<u>50.290.000</u>	<u>132.298.313.344</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	28.067.714.208	60.580.382.342	6.678.023.357	352.421.049		95.678.540.956
Số cuối năm	<u>25.450.070.771</u>	<u>61.737.621.900</u>	<u>4.988.960.800</u>	<u>323.624.362</u>		<u>92.500.277.833</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 64.152.023.742 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	124.315.000	8.707.827.539	(8.832.142.539)	
Xây dựng cơ bản dở dang		831.861.488	(765.018.761)	66.842.727
Hạng mục Nhà máy sản xuất bao bì và các sản phẩm từ nhựa giai đoạn 2		66.842.727		66.842.727
Hạng mục Đầu tư mái nổi nhà xưởng nhà máy 02 và nhà máy 03		765.018.761	(765.018.761)	
Cộng	124.315.000	9.539.689.027	(9.597.161.300)	66.842.727

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	6.834.600.001	5.544.725.100
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái		2.278.778.350
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	6.834.600.001	3.265.946.750
Phải trả các nhà cung cấp khác	97.960.675.820	104.760.057.296
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	10.422.520.693	14.909.900.772
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	21.596.905.495	7.219.364.280
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	6.339.112.399	21.056.877.200
Công ty TNHH Minh Hoàng	13.881.520.153	
Các nhà cung cấp khác	45.720.617.080	61.573.915.044
Cộng	104.795.275.821	110.304.782.396

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	259.775.835	1.047.683.500
Khamkeut Saen Oudom Gold Mining Co.Ltd		1.016.293.500
Kieul Co.Ltd	103.477.076	
Modern Pack Co.Ltd	97.545.699	
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	27.713.400	
Các khách hàng khác	31.039.660	31.390.000
Cộng	259.775.835	1.047.683.500

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		20.614.091.395	(20.614.091.395)	
Thuế xuất, nhập khẩu		754.117.460	(754.117.460)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.566.052.649	7.163.295.184	(8.272.333.168)	1.457.014.665
Thuế thu nhập cá nhân	344.644.430	505.528.392	(835.653.470)	14.519.352
Thuế đất, tiền thuê đất		439.068.715	(439.068.715)	
Các loại thuế khác		4.000.000	(4.000.000)	
Cộng	2.910.697.079	29.480.101.146	(30.919.264.208)	1.471.534.017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.040.815.333	34.215.824.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	775.660.587	662.118.347
- Các khoản điều chỉnh tăng	927.258.310	662.118.347
Chi phí không phục vụ hoạt động SXKD	43.510.000	277.228.769
Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng		11.000.000
Thù lao HĐQT không điều hành	269.377.402	177.031.940
Chi phí hàng rách vỡ không được trừ	317.407.720	17.953.527
Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt xử lý thuế	294.142.720	91.142.658
Lỗi CLTG hối đoái do đánh giá lại tiền và phải thu có gốc ngoại tệ		87.761.453
Các khoản chi phí khác	2.820.468	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(151.597.723)	
Hoàn nhập lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu năm trước	(87.761.453)	
Lãi CLTG hối đoái do đánh giá lại tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm nay	(63.836.270)	
Thu nhập chịu thuế	35.816.475.920	34.877.943.204
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	35.816.475.920	34.877.943.204
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.163.295.184	6.975.588.641
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		428.886.298
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.163.295.184	7.404.474.939

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.585.365.588	1.892.512.158
Lãi vay trích trước	209.328.706	171.631.156
Lương phép, lương lễ, lương thêm giờ, lương năng suất trích trước	5.328.536.882	1.720.881.002
Các khoản trích trước khác	47.500.000	
Cộng	<u>5.585.365.588</u>	<u>1.892.512.158</u>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.123.929.883	778.980.081
Kinh phí công đoàn	836.530.247	347.568.328
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	138.919.150	46.826.932
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	148.480.486	384.584.821
Cộng	<u>1.123.929.883</u>	<u>778.980.081</u>

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	500.000.000	500.000.000
Vay Ông Phan Văn Toàn ⁽ⁱ⁾	500.000.000	500.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	213.954.365.087	145.483.523.551
Vay ngắn hạn ngân hàng	189.609.347.387	121.691.523.551
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	74.320.279.598	67.807.558.628
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	51.512.241.595	28.064.516.786
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ^(iv)	63.776.826.194	25.819.448.137
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱ⁾	14.002.000.000	17.792.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	10.343.017.700	6.000.000.000
Cộng	<u>214.454.365.087</u>	<u>145.983.523.551</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, từ tháng 7 năm 2018 trở đi áp dụng lãi suất là 7,4%/năm, thời hạn vay 1 năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 4 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đơn vị.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 4 tháng. Khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đơn vị.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản một số máy móc thiết bị và đảm bảo bằng các khoản phải thu luân chuyển.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	121.691.523.551	872.639.401.678		397.373.497	(805.118.951.339)	189.609.347.387
Vay ngắn hạn các cá nhân	18.292.000.000	25.670.000.000			(29.460.000.000)	14.502.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000		10.343.017.700		(6.000.000.000)	10.343.017.700
Cộng	145.983.523.551	898.309.401.678	10.343.017.700	397.373.497	(840.578.951.339)	214.454.365.087

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	13.191.589.434	20.235.153.409
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	2.283.072.000	4.566.224.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.584.800.000	4.308.000.000
Cộng	18.059.461.434	29.109.377.409

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua máy móc thiết bị với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh để mua máy móc thiết bị với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị vay mua.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua tài sản cố định với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định vay mua.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	10.343.017.700	6.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	18.059.461.434	29.109.377.409
Trên 5 năm		
Cộng	28.402.479.134	35.109.377.409

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay như sau:

Số đầu năm	29.109.377.409
Số tiền vay phát sinh	2.965.779.800
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	216.935.000
Số tiền vay đã trả	(3.889.613.075)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(10.343.017.700)
Số cuối năm	18.059.461.434

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.625.905.763	3.217.200.000	(4.697.000.000)	1.146.105.763
Quỹ phúc lợi	925.453.487	2.144.800.000	(1.323.600.000)	1.746.653.487
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		270.000.000	(270.000.000)	
Cộng	3.551.359.250	5.632.000.000	(6.290.600.000)	2.892.759.250

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	29.999.890.000	1.449.994.545		40.320.619.537	26.435.571.637	98.206.075.719
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	44.999.830.000					44.999.830.000
Tăng khác			(120.000)			(120.000)
Lợi nhuận trong năm trước					26.811.349.918	26.811.349.918
Trích lập các quỹ				5.867.626.637	(11.435.626.637)	(5.568.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(44.999.830.000)	(14.999.945.000)	(59.999.775.000)
Số dư cuối năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	1.188.416.174	26.811.349.918	104.449.360.637
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	1.188.416.174	26.811.349.918	104.449.360.637
Lợi nhuận trong năm này					27.877.520.149	27.877.520.149
Trích lập các quỹ				6.179.405.918	(11.811.405.918)	(5.632.000.000)
Chia cổ tức					(14.999.944.000)	(14.999.944.000)
Số dư cuối năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	7.367.822.092	27.877.520.149	111.694.936.786

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Các cổ đông khác	36.780.400.000	36.780.400.000
Cộng	74.999.720.000	74.999.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 14.999.944.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 6.179.405.918
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành	: 5.632.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**18a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	6.726,32	2.962,37

18b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
Cộng	491.467.370	491.467.370

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu, bán thành phẩm	89.388.514.702	5.115.580.133
Doanh thu bán thành phẩm	845.780.932.375	758.271.620.977
Cộng	<u>935.169.447.077</u>	<u>763.387.201.110</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái		
Doanh thu bán thành phẩm	1.174.976.200	2.957.969.250
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành		
Doanh thu bán thành phẩm	7.993.751.740	7.368.709.200
Giảm giá hàng bán	987.978.600	

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	2.729.704.605	
Giảm giá hàng bán	987.978.600	64.827.000
Cộng	<u>3.717.683.205</u>	<u>64.827.000</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu, bán thành phẩm đã bán	84.593.033.587	4.784.867.823
Giá vốn của thành phẩm đã bán	758.989.890.910	678.129.013.891
Cộng	<u>843.582.924.497</u>	<u>682.913.881.714</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.688.712	6.280.623
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	297.271.639	333.314.978
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	166.684.993	
Cộng	<u>470.645.344</u>	<u>339.595.601</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	13.591.100.066	12.779.621.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.026.046.219	113.920.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		197.675.386
Cộng	<u>16.617.146.285</u>	<u>13.091.217.540</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.525.563.190	1.127.000.542
Chi phí vật liệu, bao bì	2.480.957.967	1.975.015.881
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		1.140.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.491.441.640	1.302.799.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.469.288.936	12.418.293.603
Các chi phí khác	1.272.749.112	932.289.306
Cộng	<u>20.240.000.845</u>	<u>17.756.538.574</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.489.772.909	7.691.660.728
Chi phí vật liệu quản lý	482.437.366	425.180.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.621.625.541	864.618.901
Chi phí khấu hao TSCĐ	377.814.818	576.165.885
Thuế, phí và lệ phí	771.464.671	576.296.636
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(406.540.288)	(659.684.944)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.137.129	2.608.618.192
Chi phí bằng tiền khác	4.338.880.734	3.662.722.236
Cộng	<u>16.009.592.880</u>	<u>15.745.578.413</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm trừ công nợ do chất lượng nguyên liệu kém		32.087.396
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	85.000.000	
Thu từ phạt nhân viên vi phạm nội quy lao động	195.226.508	118.312.135
Thu nhập khác	2.004.887	250.144.422
Cộng	<u>282.231.395</u>	<u>400.543.953</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bao bì hỏng bị người mua trả lại	56.279.863	53.331.922
Thuế bị phạt, bị truy thu	294.142.720	214.064.563
Phí phạt vỏ bao hàng rách vỡ	317.407.720	
Chi phí khác	46.330.468	72.076.081
Cộng	<u>714.160.771</u>	<u>339.472.566</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.877.520.149	26.811.349.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.748.523.858)	(5.632.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	(5.748.523.858)	(5.632.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.128.996.291	21.179.349.918
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.499.960	4.762.991
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.951</u>	<u>4.447</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và khen thưởng cho Ban điều hành năm nay được tạm tính bằng kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.499.960	2.999.989
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2017 từ Quỹ đầu tư phát triển		1.763.002
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>7.499.960</u>	<u>4.762.991</u>

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và tính lại cổ phiếu lưu hành bình quân. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 4.271 VND lên 4.447 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	694.069.174.165	560.570.688.321
Chi phí nhân công	117.958.300.881	99.907.604.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.266.758.144	13.633.476.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.985.680.935	36.447.057.059
Chi phí khác	44.023.417.227	5.824.725.788
Cộng	<u>901.303.331.352</u>	<u>716.383.551.644</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh ở Mục V.15.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.794.495.908	1.960.632.689

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành	Công ty có Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành <i>Mua nguyên vật liệu</i>	77.498.945.637	48.192.093.093

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.10.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	777.032.511.164	154.419.252.708	931.451.763.872
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.032.511.164	154.419.252.708	931.451.763.872
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	80.198.706.059	7.670.133.316	87.868.839.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.249.593.725)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			51.619.245.650
Doanh thu hoạt động tài chính			470.645.344
Chi phí tài chính			(16.617.146.285)
Thu nhập khác			282.231.395
Chi phí khác			(714.160.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.163.295.184)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.877.520.149
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25.317.320.758	6.794.298.539	32.111.619.297
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.669.643.710		21.669.643.710
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	627.654.981.371	135.667.392.739	763.322.374.110
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	627.654.981.371	135.667.392.739	763.322.374.110
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.161.515.643	10.246.976.753	80.408.492.396
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(33.502.116.987)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			46.906.375.409
Doanh thu hoạt động tài chính			339.595.601
Chi phí tài chính			(13.091.217.540)
Thu nhập khác			400.543.953
Chi phí khác			(339.472.566)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.404.474.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			26.811.349.918
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	30.344.200.897	6.558.887.833	36.903.088.730
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.633.476.150		13.633.476.150

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	222.092.675.009	10.463.636.143	232.556.311.152
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	253.801.520.253		<u>253.801.520.253</u>
Tổng tài sản			<u>486.357.831.405</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	370.649.222.934	220.912.435	370.870.135.369
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>3.792.759.250</u>
Tổng nợ phải trả			<u>374.662.894.619</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	199.685.641.920	22.948.121.262	222.633.763.182
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	197.275.650.827		<u>197.275.650.827</u>
Tổng tài sản			<u>419.909.414.009</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	309.992.400.622	1.016.293.500	311.008.694.122
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>4.451.359.250</u>
Tổng nợ phải trả			<u>315.460.053.372</u>

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

3. Thông tin khác

Từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 21 tháng 7 năm 2018, Tổ kiểm toán thuộc đoàn Kiểm toán Nhà nước tại Quân khu 4 đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và có Biên bản kiểm toán vào ngày 21 tháng 7 năm 2018. Công ty đã thực hiện các điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước vào Báo cáo tài chính năm 2018.

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2019

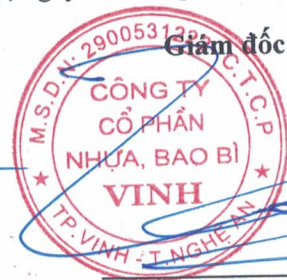
Người lập biểu

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ